

UBND XÃ THÁI THỤY
BAN CHẤM BÀI KHẢO SÁT

THÔNG BÁO KẾT QUẢ BÀI KHẢO SÁT NĂNG LỰC HỌC SINH LỚP 8
NĂM HỌC 2025- 2026

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
1	1	Nguyễn Thị Khánh An	THCS Thụy Liên	8	Toán	10.50	
2	2	Đỗ Quỳnh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	15.50	
3	3	Vũ Bá Hải Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	14.50	
4	4	Vũ Ngọc Minh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	17.00	
5	5	Đoàn Linh Đan	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	16.75	
6	6	Nguyễn Việt Đức	THCS Thụy Liên	8	Toán	5.00	
7	7	Vũ Trí Đức	THCS Thụy Liên	8	Toán	6.50	
8	8	Nguyễn Thị Châu Giang	TH&THCS Thụy Trình	8	Toán	13.00	
9	9	Nguyễn Đức Đại Hải	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	16.00	
10	10	Nguyễn Minh Hải	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	17.00	
11	11	Phạm Thị Thúy Hiền	THCS Thụy Liên	8	Toán	12.00	
12	12	Trịnh Ngọc Hiếu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	18.00	
13	13	Bùi Vũ Hà Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	17.00	
14	14	Phạm Hà Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	15.50	
15	15	Đào Duy Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	15.50	
16	16	Nguyễn Đình Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	16.00	
17	17	Nguyễn Đỗ Hải Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	13.75	
18	18	Nguyễn Thành Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	14.50	
19	19	Nguyễn Văn Gia Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	13.50	
20	20	Nguyễn Đăng Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	14.75	
21	21	Nguyễn Đồng Gia Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	16.25	
22	22	Nguyễn Lê Tuệ Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	16.00	
23	23	Nguyễn Ngọc Nhật Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	15.75	
24	24	Vũ Hoàng Trà My	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	16.50	
25	25	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	15.50	
26	26	Nguyễn Thị Hải Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	16.00	
27	27	Trịnh Cao Phong	TH&THCS Thụy Bình	8	Toán	10.00	
28	28	Bùi Gia Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	17.50	
29	29	Đặng Hiền Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	16.50	
30	30	Lại Thế Quân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	15.50	
31	31	Nguyễn Minh Quân	TH&THCS Thụy Bình	8	Toán	15.50	
32	32	Trần Hoàng Quân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	15.75	
33	33	Tạ Ngọc Quý	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	17.75	
34	34	Vũ Phúc Thành	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	18.00	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
35	35	Đào Thanh Thảo	THCS Thụy Liên	8	Toán	3.25	
36	36	Bùi Thị Minh Trang	THCS Thụy Liên	8	Toán	7.75	
37	37	Phạm Quỳnh Trang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	15.00	
38	38	Lê Đức Tuấn	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	13.00	
39	39	Nguyễn Thanh Tùng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	16.00	
40	40	Tạ Thùy Vân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	13.50	
41	41	Trần Thị Thanh Vân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Toán	14.50	
42	42	Nguyễn Phan Hoàng Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	14.75	
43	43	Phạm Hoàng Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	10.00	
44	44	Đỗ Hải Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	13.00	
45	45	Nguyễn Quỳnh Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	10.00	
46	46	Vũ Quỳnh Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	12.38	
47	47	Phùng Lê Tuấn Cường	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	17.50	
48	48	Lê Đức Dũng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	10.63	
49	49	Vũ Thùy Dương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	12.50	
50	50	Nguyễn Tiến Đạt	TH&THCS Thụy Hải	8	Hóa Học	17.25	
51	51	Phạm Minh Hà	TH&THCS Thụy Hải	8	Hóa Học	17.50	
52	52	Tạ Khánh Hà	TH&THCS Thụy Hải	8	Hóa Học	15.38	
53	53	Phan Phúc Hải	TH&THCS Thụy Hải	8	Hóa Học	15.75	
54	54	Phan Thanh Hải	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	6.25	
55	55	Vũ Phúc Hiệp	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	14.38	
56	56	Phạm Trung Hiếu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	13.63	
57	57	Vũ Minh Hoàng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	12.75	
58	58	Tô Bá Bảo Khánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	12.63	
59	59	Trần Gia Khánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	12.88	
60	60	Trần Xuân Lâm	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	11.13	
61	61	Nguyễn Ngô Phương Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	10.13	
62	62	Nguyễn Tiến Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	12.38	
63	63	Phạm Trà My	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	12.38	
64	64	Đào Ngọc Gia Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	10.25	
65	65	Đặng Minh Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	4.63	
66	66	Lê Thành Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	10.00	
67	67	Nguyễn Ngọc Minh Quân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	12.25	
68	68	Vũ Bảo Quân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	15.00	
69	69	Nguyễn Mạnh Thắng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	10.25	
70	70	Phạm Minh Thu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	13.50	
71	71	Phạm Thị Phương Thúy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	15.25	
72	72	Nguyễn Đăng Trường	TH&THCS Thụy Hải	8	Hóa Học		Vắng
73	73	Đỗ Minh Tú	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	13.25	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
74	74	Đỗ Ngọc Tú	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	3.125	
75	75	Đặng Xuân Vượng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	10.375	
76	76	Nguyễn Thị Hải Yến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Hóa học	18.125	
77	77	Lê Đức Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	12.00	
78	78	Phạm Hoàng Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	10.25	
79	79	Phạm Minh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	13.50	
80	80	Vũ Đức Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	11.00	
81	81	Nguyễn Đình Bách	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	13.00	
82	82	Giang Hoàng Gia Bảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	12.50	
83	83	Lê Hoàng Đạt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	15.00	
84	84	Đỗ Hương Giang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	17.25	
85	85	Đoàn Mạnh Hải	TH&THCS Thụy Bình	8	Vật lí	3.50	
86	86	Phạm Nguyễn Gia Hân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	3.50	
87	87	Nguyễn Văn Hiệp	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	12.75	
88	88	Lê Tiến Hoàng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	11.50	
89	89	Nguyễn Phúc Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	5.75	
90	90	Đỗ Thị Khánh Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	12.25	
91	91	Lê Hải Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	14.25	
92	92	Nguyễn Tiến Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	7.25	
93	93	Bùi Tiến Minh	TH&THCS Thụy Bình	8	Vật lí	6.00	
94	94	Lâm Thiên Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	8.75	
95	95	Phạm Ngọc Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	17.75	
96	96	Lê Bảo Ngọc	THCS Diêm Điền	8	Vật lí	12.50	
97	97	Trịnh Minh Ngọc	THCS Diêm Điền	8	Vật lí	5.00	
98	98	Vũ Phúc Nguyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	19.00	
99	99	Nguyễn Tiến Phong	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	7.50	
100	100	Vũ Hồng Phong	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	13.75	
101	101	Đặng Tiến Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	18.50	
102	102	Hà Xuân Phúc	THCS Diêm Điền	8	Vật lí	7.25	
103	103	Lê Văn Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	19.50	
104	104	Phạm Tiến Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	16.75	
105	105	Vũ Minh Quang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	10.50	
106	106	Phạm Minh Quân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	16.75	
107	107	Phạm Vũ Minh Quyền	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	12.00	
108	108	Đặng Văn Thái	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	6.25	
109	109	Hồ Minh Thanh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	9.00	
110	110	Nguyễn Đức Thắng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	6.50	
111	111	Nguyễn Cao Thìn	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	13.50	
112	112	Nguyễn Thị Thu Thủy	THCS Diêm Điền	8	Vật lí	9.25	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
113	113	Nguyễn Duy Tiến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	11.00	
114	114	Nguyễn Minh Trang	TH&THCS Thụy Bình	8	Vật lí	7.25	
115	115	Nguyễn Thị Thanh Trúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	10.75	
116	116	Nguyễn Đình Tùng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	10.50	
117	117	Đỗ Thảo Vân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	5.00	
118	118	Vũ Quang Việt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Vật lí	14.75	
119	119	Nguyễn Thu An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	13.00	
120	120	Nguyễn Thùy An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	14.00	
121	121	Lê Tâm Đức Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	12.25	
122	122	Lê Vũ Bảo Anh	THCS Diêm Điền	8	Sinh học	17.75	
123	123	Nguyễn Thị Việt Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	17.25	
124	124	Phạm Hà Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	16.50	
125	125	Phan Tú Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	12.25	
126	126	Vũ Hồng Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	15.50	
127	127	Tô Ngọc Ánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	11.25	
128	128	Nguyễn Gia Bảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	15.50	
129	129	Chu Thị Quỳnh Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	14.25	
130	130	Nguyễn Hải Đăng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	16.00	
131	131	Đỗ Thu Giang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	14.25	
132	132	Nguyễn Thị Thanh Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	16.25	
133	133	Trần Lương Huy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	16.75	
134	134	Vũ Minh Khang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	10.75	
135	135	Phan Diệu Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	15.00	
136	136	Nguyễn Nhật Tuệ Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	15.00	
137	137	Phạm Nhật Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	15.25	
138	138	Phí Nguyễn Tuệ Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	15.50	
139	139	Tạ Hải Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	16.25	
140	140	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	13.00	
141	141	Phạm Bảo Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	11.25	
142	142	Nguyễn Hoàng Hà Ninh	THCS Diêm Điền	8	Sinh học	16.25	
143	143	Ngô Minh Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	16.50	
144	144	Đỗ Thị Vân Sang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	12.75	
145	145	Phạm Lê Phương Thảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	16.00	
146	146	Nguyễn Bá Thắng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	14.50	
147	147	Vũ Anh Thư	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	12.50	
148	148	Bùi Thảo Trang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	15.75	
149	149	Trịnh Minh Trang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	16.25	
150	150	Nguyễn Thị Thanh Trúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Sinh học	17.75	
151	151	Đỗ Thị Thu Yến	THCS Diêm Điền	8	Sinh học	17.75	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
152	152	Lâm Lý Ngọc An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	15.50	
153	153	Lê Nguyễn Thái An	TH&THCS Thụy Lương	8	Ngữ văn	9.00	
154	154	Bùi Minh Anh	TH&THCS Thụy Bình	8	Ngữ văn	11.00	
155	155	Bùi Thùy Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	17.25	
156	156	Lê Tuấn Anh	THCS Thụy Liên	8	Ngữ văn	9.25	
157	157	Lương Ngọc Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	16.50	
158	158	Nguyễn Thị Ngọc Anh	TH&THCS Thụy Hải	8	Ngữ văn	10.00	
159	159	Phạm Minh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	14.00	
160	160	Phạm Trần Phương Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	12.00	
161	161	Vũ Bảo Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	14.00	
162	162	Bùi Thị Ngọc Ánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	15.00	
163	163	Lương Ngọc Bảo Châu	TH&THCS Thụy Hải	8	Ngữ văn	11.50	
164	164	Nguyễn Thị Bảo Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	14.00	
165	165	Phạm Mai Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	13.50	
166	166	Phạm Quỳnh Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	16.50	
167	167	Phan Thảo Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	13.50	
168	168	Vũ Khánh Chi	TH&THCS Thụy Lương	8	Ngữ văn	9.00	
169	169	Nguyễn Thùy Dương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	17.50	
170	170	Vũ Thùy Dương	TH&THCS Thụy Hải	8	Ngữ văn	10.00	
171	171	Lê Hồng Trà Giang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	12.50	
172	172	Nguyễn Hương Giang	TH&THCS Thụy Trình	8	Ngữ văn	11.00	
173	173	Đỗ Ngân Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	14.50	
174	174	Hoàng Ngọc Hà	THCS Diêm Điền	8	Ngữ văn	11.50	
175	175	Lê Ngân Hà	THCS Diêm Điền	8	Ngữ văn	9.50	
176	176	Lê Thanh Hà	TH&THCS Thụy Lương	8	Ngữ văn	11.50	
177	177	Ngô Ngọc Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	13.50	
178	178	Phạm Ngân Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	12.00	
179	179	Tạ Minh Hằng	TH&THCS Thụy Hải	8	Ngữ văn	13.50	
180	180	Nguyễn Hà Ngọc Hiền	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	17.25	
181	181	Đặng Thị Hoa	THCS Thụy Liên	8	Ngữ văn	9.00	
182	182	Bùi Khánh Huyền	TH&THCS Thụy Hải	8	Ngữ văn	9.00	
183	183	Đỗ Thị Huyền	TH&THCS Thụy Trình	8	Ngữ văn	9.00	
184	184	Nguyễn Khánh Huyền	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	16.50	
185	185	Tô Ngân Khánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	13.50	
186	186	Bùi Trần Nhật Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	14.25	
187	187	Hà Gia Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	14.00	
188	188	Lê Khánh Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	13.00	
189	189	Nguyễn Như Hà Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	14.50	
190	190	Vũ Thị Khánh Ly	TH&THCS Thụy Bình	8	Ngữ văn	8.75	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
191	191	Lương Thi Ngọc Mai	TH&THCS Thụy Hải	8	Ngữ văn	9.00	
192	192	Vũ Tuệ Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	14.00	
193	193	Lê Thị Hà My	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	16.50	
194	194	Nguyễn Lê Hà My	TH&THCS Thụy Lương	8	Ngữ văn	15.50	
195	195	Phạm Thu Nga	TH&THCS Thụy Bình	8	Ngữ văn	8.50	
196	196	Bùi Thị Bảo Ngọc	THCS Thụy Liên	8	Ngữ văn	12.00	
197	197	Giang Hồng Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	16.50	
198	198	Lại Yến Ngọc	TH&THCS Thụy Hải	8	Ngữ văn	10.00	
199	199	Lê Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	16.00	
200	200	Nguyễn Kim Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	13.50	
201	201	Phạm Hoàng Khánh Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	10.00	
202	202	Chu Minh Nguyệt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	11.00	
203	203	Đỗ Thị Minh Nguyệt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	13.00	
204	204	Nguyễn Hiền Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	17.00	
205	205	Phạm Ngọc Oanh	TH&THCS Thụy Bình	8	Ngữ văn	7.00	
206	206	Nguyễn Minh Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	10.00	
207	207	Trần Bảo Phương	THCS Diêm Điền	8	Ngữ văn	10.50	
208	208	Trần Thị Thu Phương	TH&THCS Thụy Lương	8	Ngữ văn	8.00	
209	209	Vũ Như Quỳnh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	11.50	
210	210	Nguyễn Quỳnh Thảo	THCS Diêm Điền	8	Ngữ văn	11.00	
211	211	Lê Anh Thư	TH&THCS Thụy Lương	8	Ngữ văn	11.50	
212	212	Trần Anh Thư	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	11.50	
213	213	Nguyễn Đàm Bảo Trang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	12.00	
214	214	Phạm Mai Trang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	14.00	
215	215	Vũ Kiều Trang	THCS Thụy Liên	8	Ngữ văn	9.00	
216	216	Vũ Thị Vân Trang	THCS Thụy Liên	8	Ngữ văn	8.00	
217	217	Phạm Ngọc Trinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	11.00	
218	218	Giang Tường Vy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	11.50	
219	219	Nguyễn Thị Tường Vy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	12.00	
220	220	Tạ Thị Hà Vy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	14.00	
221	221	Bùi Bảo Yến	THCS Thụy Liên	8	Ngữ văn	9.00	
222	222	Nguyễn Hải Yến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	17.00	
223	223	Phạm Thị Hải Yến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Ngữ văn	11.50	
224	224	Nguyễn Vũ Bảo An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	15.75	
225	225	Nguyễn Thị Hải Anh	THCS Thụy Liên	8	Tiếng Anh	10.50	
226	226	Tạ Thị Tú Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	15.50	
227	227	Trần Thị Phương Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.25	
228	228	Vũ Nguyệt Ánh	TH&THCS Thụy Bình	8	Tiếng Anh	7.00	
229	229	Lê Ngọc Thiên Ân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	18.00	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
230	230	Nguyễn Hà Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	12.25	
231	231	Trần Sỹ Cường	TH&THCS Thụy Lương	8	Tiếng Anh	9.00	
232	232	Vũ Tiến Dũng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.00	
233	233	Đỗ Hải Dương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	8.75	
234	234	Nguyễn Thành Đạt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	11.50	
235	235	Bùi Khánh Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	12.25	
236	236	Lại Khánh Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	15.00	
237	237	Phạm Ngân Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	13.00	
238	238	Lê Vũ Bảo Hân	THCS Diêm Điền	8	Tiếng Anh	10.00	
239	239	Vũ Ngọc Hân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	17.75	
240	240	Phạm Minh Hiếu	THCS Diêm Điền	8	Tiếng Anh	11.25	
241	241	Nguyễn Mai Hoa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	15.25	
242	242	Lê Ngọc Hoàn	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.75	
243	243	Nguyễn Mỹ Hoàn	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	15.75	
244	244	Hoàng Mạnh Hùng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	17.00	
245	245	Dương Thị Thương Huyền	THCS Thụy Liên	8	Tiếng Anh	13.25	
246	246	Lê Thanh Huyền	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	16.75	
247	247	Trần Thanh Huyền	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	12.50	
248	248	Nguyễn Hoàng Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	13.75	
249	249	Trần Gia Khang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	13.00	
250	250	Đinh Nhật Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	16.25	
251	251	Lê Ngọc Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	13.00	
252	252	Phạm Phương Linh	THCS Thụy Liên	8	Tiếng Anh	10.00	
253	253	Bùi Sỹ Lực	THCS Diêm Điền	8	Tiếng Anh	6.00	
254	254	Vũ Phương Mai	THCS Diêm Điền	8	Tiếng Anh	11.00	
255	255	Đặng Nhật Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.50	
256	256	Nguyễn Gia Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	16.25	
257	257	Nguyễn Hải Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	12.75	
258	258	Nguyễn Quang Minh	TH&THCS Thụy Trình	8	Tiếng Anh	16.00	
259	259	Lê Hải Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	12.25	
260	260	Đoàn Hải Nga	TH&THCS Thụy Bình	8	Tiếng Anh	11.00	
261	261	Đặng Khánh Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	15.50	
262	262	Lê Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.25	
263	263	Nguyễn Hồng Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	17.75	
264	264	Nguyễn Khánh Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.50	
265	265	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	TH&THCS Thụy Bình	8	Tiếng Anh	9.75	
266	266	Tạ Bảo Ngọc	TH&THCS Thụy Hải	8	Tiếng Anh	11.75	
267	267	Lê Khôi Nguyên	TH&THCS Thụy Lương	8	Tiếng Anh	5.75	
268	268	Trần Bá Khôi Nguyên	TH&THCS Thụy Lương	8	Tiếng Anh	8.50	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
269	269	Bùi Linh Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.00	
270	270	Bùi Vân Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	13.50	
271	271	Vũ Ngọc Uyên Nhi	TH&THCS Thụy Hải	8	Tiếng Anh	10.25	
272	272	Lê Tâm Như	TH&THCS Thụy Trình	8	Tiếng Anh	6.75	
273	273	Nguyễn Thị Thảo Như	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	18.75	
274	274	Nguyễn Hoàng Phúc	TH&THCS Thụy Trình	8	Tiếng Anh	6.75	
275	275	Nguyễn Mai Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	17.00	
276	276	Cao Đại Quang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	9.75	
277	277	Đào Đại Quang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	9.25	
278	278	Trần Lâm Quân	THCS Diêm Điền	8	Tiếng Anh	6.25	
279	279	Nguyễn Ngọc Quý	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.50	
280	280	Bùi Thẩm Quyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	13.75	
281	281	Lê Đan Quỳnh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	11.25	
282	282	Nhữ Phương Thảo	TH&THCS Thụy Lương	8	Tiếng Anh	8.25	
283	283	Uông Văn Thủy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	12.25	
284	284	Nguyễn Hồng Thụy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	17.25	
285	285	Bùi Thị Anh Thư	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.00	
286	286	Phạm Thủy Tiên	TH&THCS Thụy Hải	8	Tiếng Anh	6.50	
287	287	Phạm Bùi Bảo Trang	TH&THCS Thụy Trình	8	Tiếng Anh	8.75	
288	288	Vũ Minh Trang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	13.00	
289	289	Phí Bảo Trâm	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	10.00	
290	290	Nguyễn Thị Bảo Trân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	13.25	
291	291	Nguyễn Thanh Trúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	18.25	
292	292	Lê Minh Trường	THCS Diêm Điền	8	Tiếng Anh	8.50	
293	293	Nguyễn Cẩm Tú	TH&THCS Thụy Lương	8	Tiếng Anh	6.50	
294	294	Vũ Tiến Tú	TH&THCS Thụy Trình	8	Tiếng Anh	6.50	
295	295	Đoàn Hồng Vân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.00	
296	296	Đoàn Ngọc Vân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	14.75	
297	297	Đỗ Khánh Vân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	13.75	
298	298	Hoàng Hà Vân	THCS Diêm Điền	8	Tiếng Anh	12.00	
299	299	Vũ Thanh Vân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	15.00	
300	300	Trần Uy Vũ	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	9.50	
301	301	Phạm Khánh Vy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tiếng Anh	7.75	
302	302	Bùi Bảo Yến	THCS Thụy Liên	8	Tiếng Anh	5.75	
303	303	Nguyễn Bảo Danh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	18.00	
304	304	Trần Tiến Đạt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	14.48	
305	305	Nguyễn Hải Đăng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	5.00	
306	306	Nguyễn Minh Hải	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	3.00	
307	307	Nguyễn Trung Hải	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	19.20	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
308	308	Nguyễn Vũ Minh Khang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	4.00	
309	309	Nguyễn Thành Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	18.00	
310	310	Nguyễn Thành Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	14.00	
311	311	Nguyễn Tuấn Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	11.04	
312	312	Hoàng Bình Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	15.88	
313	313	Ngô Văn Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	3.60	
314	314	Nguyễn Nhật Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	5.60	
315	315	Phan Tuấn Nghĩa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	14.20	
316	316	Đỗ Hải Nguyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	17.16	
317	317	Nguyễn Thanh Phong	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	5.50	
318	318	Lê Đức Phú	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	6.00	
319	319	Đặng Anh Tú	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	19.20	
320	320	Bùi Tuấn Tuế	THCS Nguyễn Đức Cảnh	8	Tin học	18.60	